|  |  |
| --- | --- |
| **QUỐC HỘI-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Luật số:  | *Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...*  |

DỰ THẢO

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**

**(Luật Phát triển công nghiệp)**

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;*

*Quốc hội ban hành Luật Phát triển công nghiệp.*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Luật này quy định về các chính sách, hoạt động phát triển các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tại Việt Nam.

Các ngành khai khoáng; sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí; cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật này.

2. Việc phát triển các ngành hóa chất, công nghiệp công nghệ thông tin, công nghiệp công nghệ cao áp dụng theo quy định tại các luật chuyên ngành.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Luật này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1.*Công nghiệp chế biến, chế tạo* gồm các hoạt động làm biến đổi về mặt vật lý, hoá học của vật liệu, chất liệu hoặc làm biến đổi các thành phần cấu thành của nó để tạo ra sản phẩm mới, được quy định cụ thể tại hệ thống ngành kinh tế Việt Nam do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

2.*Chiến lược phát triển công nghiệp quốc gia*là chiến lược do Chính phủ ban hành nhằm xác định quan điểm, định hướng, mục tiêu phát triển công nghiệp quốc gia trong từng thời kỳ và tổ chức sử dụng các nguồn lực của đất nước từ Trung ương đến địa phương để bảo đảm thực hiện các quan điểm, định hướng, mục tiêu phát triển công nghiệp quốc gia.

3. *Chương trình phát triển công nghiệp* là các chương trình do Thủ tướng Chính phủ ban hành trên cơ sở Chiến lược phát triển công nghiệp quốc gia nhằm định hướng các giải pháp phát triển đối với từng phân ngành công nghiệp cụ thể.

4. *Sản phẩm công nghiệp chủ lực quốc gia* là sản phẩm công nghiệp sản xuất trong nước có sức cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước; được tạo ra trên các dây chuyền thiết bị có trình độ công nghệ tiên tiến, phù hợp với trình độ sản xuất trong từng thời kỳ, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, đảm bảo năng lực sản xuất và môi trường bền vững; tạo ra mức tăng trưởng cao, ổn định; hoặc thuộc nhóm sản phẩm xuất khẩu chủ lực, đóng góp tỷ trọng lớn vào tổng GDP công nghiệp.

Danh mục sản phẩm công nghiệp chủ lực quốc gia được ban hành kèm theo Chiến lược phát triển công nghiệp quốc gia do Chính phủ phê duyệt.

5. *Ngành, sản phẩm công nghiệp mới tiềm năng* là ngành, sản phẩm công nghiệp có khả năng phát triển trong tương lai, có triển vọng tạo ra giá trị gia tăng lớn, giải quyết nhiều việc làm, có triển vọng xuất khẩu hoặc có tiềm năng ứng dụng các công nghệ cao trong công nghiệp.

Danh mục ngành và sản phẩm công nghiệp mới tiềm năng được ban hành kèm theo Chiến lược phát triển công nghiệp quốc gia do Chính phủ phê duyệt.

6. *Chính quyền địa phương* gồm Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

7. *Doanh nghiệp dẫn đầu* là doanh nghiệp công nghiệp trong nước có quy mô lớn, có đóng góp đáng kể trong nền kinh tế quốc dân hoặc kim ngạch xuất khẩu của quốc gia, có tiềm năng phát triển và mở rộng thương hiệu ra thị trường quốc tế.

8. *Doanh nghiệp tiềm năng* là các doanh nghiệp công nghiệp có khả năng phát triển thành các doanh nghiệp dẫn đầu.

9. *Quỹ tái cấu trúc doanh nghiệp công nghiệp* là quỹ được hình thành từ vốn góp của các nhà đầu tư tư nhân để thực hiện tái cấu trúc, nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp công nghiệp.

10. *Giá trị sản xuất trong nước* là chỉ tiêu phản ánh giá trị thị trường của toàn bộ hàng hóa, dịch vụ và nguyên liệu sản xuất đầu vào được tạo ra bởi doanh nghiệp trên giá trị thị trường của sản phẩm đầu ra cuối cùng.

11. *Công nghệ gia công cơ bản* gồm các công nghệ hàn, đúc, gia công khuôn mẫu, tạo hình kim loại, nhiệt luyện, xử lý bề mặt, nhuộm.

...

**Điều 4. Nguyên tắc áp dụng luật**

1. Hoạt động phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo trên lãnh thổ Việt Nam thực hiện theo quy định của Luật này và luật khác có liên quan.

Trường hợp có quy định khác nhau giữa Luật này và các luật khác thì ưu tiên thực hiện theo quy định của Luật này.

2. Trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác với quy định của Luật này thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó.

**Điều 5. Chính sách của Nhà nước đối với hoạt động phát triển công nghiệp**

1. Huy động các nguồn lực đầu tư, áp dụng đồng bộ các cơ chế, biện pháp khuyến khích, ưu đãi ở mức cao nhất về đất đai, thuế và ưu đãi khác để phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm nhằm phát huy vai trò chủ đạo của công nghiệp phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường và nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân.

2. Đẩy nhanh việc ứng dụng, nghiên cứu, làm chủ công nghệ trong công nghiệp; nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm công nghiệp, tham gia vào những khâu có giá trị gia tăng cao trong hệ thống cung ứng toàn cầu.

3. Tập trung đầu tư phát triển nguồn nhân lực công nghiệp đạt trình độ khu vực và quốc tế; áp dụng cơ chế, chính sách ưu đãi đặc biệt để đào tạo, thu hút, sử dụng có hiệu quả nhân lực công nghiệp trong nước và ngoài nước.

4. Khuyến khích doanh nghiệp nâng cao năng lực sản xuất, kinh doanh; tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp vừa và nhỏ tham gia hình thành mạng lưới cung ứng sản phẩm, dịch vụ hỗ trợ cho các ngành công nghiệp.

5. Bảo đảm ngân sách nhà nước và thu hút các nguồn lực xã hội hóa để thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, dự án phát triển công nghiệp.

6. Phát triển hệ thống dịch vụ công nghiệp thông qua việc hoàn thiện hạ tầng cho phát triển công nghiệp đồng bộ với phát triển kết cấu hạ tầng chung của cả nước, đặc biệt là tập trung phát triển hệ thống logistic; phát triển mạnh dịch vụ tư vấn đầu tư công nghiệp; xây dựng cơ sở dữ liệu về hệ thống công nghiệp phục vụ cho việc hoạch định, điều chỉnh chính sách và cung cấp thông tin cho các tổ chức kinh tế, các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

**Điều 6. Hợp tác quốc tế về công nghiệp**

1. Mở rộng hợp tác quốc tế trong nghiên cứu, ứng dụng và phát triển công nghệ công nghiệp, đặc biệt là với quốc gia, vùng lãnh thổ, tổ chức, cá nhân nước ngoài, tập đoàn kinh tế đa quốc gia, tập đoàn kinh tế nước ngoài có trình độ khoa học và công nghệ tiên tiến trên nguyên tắc phù hợp với pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2. Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân Việt Nam tham gia các chương trình, dự án hợp tác quốc tế, hội, hiệp hội quốc tế và tổ chức khác về công nghiệp; thu hút tổ chức, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thực hiện hoạt động phát triển công nghiệp tại Việt Nam.

3. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong lĩnh vực phát triển nguồn nhân lực công nghiệp, ưu tiên hợp tác đào tạo sinh viên ngành kỹ thuật công nghiệp tại các trường đại học, cao đẳng, dạy nghề tiên tiến khu vực và thế giới; thu hút, sử dụng có hiệu quả người có trình độ cao, lực lượng trẻ tài năng hợp tác nghiên cứu, giảng dạy, phát triển doanh nghiệp công nghiệp tại Việt Nam.

4. Thực hiện lộ trình hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ, đẩy mạnh hoạt động tìm kiếm, chuyển giao công nghệ công nghiệp tiên tiến vào Việt Nam.

**Điều 7. Bảo vệ môi trường và phát triển bền vững trong công nghiệp**

1. Kiểm soát chặt chẽ các vấn đề về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất công nghiệp, đặc biệt trong công tác thẩm định, phê duyệt, kiểm soát hoạt động của các dự án sản xuất công nghiệp.

2. Ưu tiên dự báo, phòng ngừa ô nhiễm, sự cố, suy thoái môi trường, quản lý rủi ro về môi trường, giảm thiểu phát sinh chất thải và khí nhà kính trong phát triển công nghiệp.

 3. Tăng cường quản lý, giám sát việc thực thi quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất công nghiệp.

**Điều 8. Các hành vi bị nghiêm cấm**

1. Ban hành, triển khai các chính sách, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn hoặc hạn chế đầu tư trái với định hướng phát triển công nghiệp của Đảng và Nhà nước, trái với các chiến lược, chương trình phát triển công nghiệp của Chính phủ.

2. Lợi dụng hoạt động phát triển công nghiệp gây phương hại đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

3. Thực hiện hoạt động phát triển công nghiệp gây hậu quả xấu đến sức khỏe, tính mạng con người, đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc; hủy hoại môi trường, tài nguyên thiên nhiên.

4. Vi phạm quyền sở hữu trí tuệ trong công nghiệp.

5. Tiết lộ, cung cấp trái pháp luật bí mật về công nghệ trong lĩnh vực công nghiệp.

6. Giả mạo, gian dối để được hưởng chính sách ưu đãi của Nhà nước trong hoạt động phát triển công nghiệp.

7. Cản trở trái pháp luật hoạt động phát triển công nghiệp.

**Chương II**

**ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP**

**Điều 9. Chiến lược phát triển công nghiệp quốc gia**

1. Chiến lược phát triển công nghiệp quốc gia được ban hành theo từng thời kỳ 05 năm.

2. Căn cứ xây dựng Chiến lược phát triển công nghiệp quốc gia:

a) Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm của quốc gia;

b) Quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch;

c) Thực trạng và triển vọng phát triển của các ngành công nghiệp;

d) Kế hoạch phân bổ, sử dụng ngân sách nhà nước trong từng thời kỳ.

**Điều 10. Yêu cầu về nội dung Chiến lược phát triển công nghiệp quốc gia**

1. Bảo đảm yêu cầu hoạch định và phát triển công nghiệp trên toàn bộ không gian lãnh thổ quốc gia, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững gắn với bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu, đảm bảo tăng trưởng xanh trong phát triển công nghiệp; phân bổ, khai thác và sử dụng hợp lý, hiệu quả nguồn lực từ ngân sách nhà nước và các nguồn lực xã hội hóa trong phát triển công nghiệp.

2. Bảo đảm sự liên kết, tính đồng bộ và hệ thống giữa các ngành công nghiệp và các vùng trong cả nước, giữa các địa phương trong vùng; phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của từng vùng, từng địa phương trong phát triển công nghiệp.

3. Bảo đảm sự cân bằng giữa các yếu tố kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

4. Bảo đảm việc ứng dụng thành quả của các cuộc cách mạng công nghiệp trên thế giới, ứng dụng chuyển đổi số trong phát triển công nghiệp.

**Điều 11. Nội dung Chiến lược phát triển công nghiệp quốc gia**

1. Quan điểm, định hướng và mục tiêu phát triển công nghiệp.

2. Dự báo xu thế phát triển và các kịch bản phát triển công nghiệp.

3. Danh mục sản phẩm công nghiệp chủ lực quốc gia và sản phẩm công nghiệp mới tiềm năng.

4. Danh mục công nghệ ưu tiên phát triển và ứng dụng trong công nghiệp.

5. Danh mục dự án đầu tư công trọng điểm trong lĩnh vực công nghiệp và thứ tự ưu tiên thực hiện.

6. Các ngành và sản phẩm công nghiệp mới tiềm năng.

7. Các giải pháp triển khai thực hiện quan điểm, định hướng, mục tiêu phát triển công nghiệp.

8. Trách nhiệm tổ chức thực hiện Chiến lược phát triển công nghiệp quốc gia.

9. Chính phủ quy định chi tiết việc lập, thẩm định, phê duyệt và nội dung chi tiết Chiến lược phát triển công nghiệp quốc gia.

**Điều 12. Chương trình phát triển công nghiệp**

1. Trên cơ sở Chiến lược phát triển công nghiệp quốc gia, Thủ tướng Chính phủ ban hành các chương trình phát triển các phân ngành công nghiệp cụ thể theo từng thời kỳ, gồm các phân ngành sau:

a) Công nghiệp hỗ trợ;

b) Công nghiệp điện tử;

c) Công nghiệp cơ khí;

d) Công nghiệp dệt may, da – giày;

đ) Công nghiệp sinh học;

e) Các ngành công nghiệp mới tiềm năng khác theo định hướng phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ.

2. Nội dung chương trình phát triển công nghiệp:

a) Định hướng, tiêu chí và mục tiêu phát triển ngành;

b) Các nội dung giải pháp triển khai thực hiện định hướng, tiêu chí và mục tiêu phát triển ngành;

c) Dự toán kinh phí tổ chức thực hiện chương trình;

d) Trách nhiệm tổ chức thực hiện chương trình.

3. Thủ tướng Chính phủ quy định quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện các chương trình phát triển công nghiệp cụ thể.

**Điều 13. Trách nhiệm tổ chức triển khai các hoạt động phát triển công nghiệp**

1. Chính phủ thống nhất tổ chức triển khai Chiến lược phát triển công nghiệp quốc gia và các chương trình phát triển công nghiệp cụ thể.

Các cơ quan nhà nước ở Trung ương và địa phương có trách nhiệm bảo đảm cho các chiến lược, chương trình phát triển công nghiệp của Chính phủ được thực thi hiệu quả, tránh lãng phí nguồn lực của đất nước, đảm bảo các mục tiêu phát triển công nghiệp trong từng thời kỳ.

2. Chính phủ và chính quyền địa phương có trách nhiệm bố trí đầy đủ nguồn kinh phí bảo đảm thực thi các chương trình phát triển công nghiệp trên cơ sở phân cấp ngân sách Trung ương và địa phương, đẩy mạnh thu hút các nguồn lực xã hội hóa.

**Điều 14. Trách nhiệm của chính quyền địa phương**

1. Chịu trách nhiệm trước Chính phủ trong việc bố trí ngân sách, nguồn nhân lực và các nguồn lực khác để bảo đảm thực thi các chiến lược, chương trình phát triển công nghiệp do Trung ương ban hành.

2. Ban hành và triển khai thực hiện chiến lược phát triển công nghiệp của địa phương đảm bảo phù hợp với các chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Trung ương và lợi thế cạnh tranh của địa phương.

3. Ban hành danh mục sản phẩm công nghiệp chủ lực của địa phương để tập trung nguồn lực phát triển sản xuất các sản phẩm công nghiệp.

4. Định kỳ hàng năm báo cáo Chính phủ tình hình và kết quả triển khai các chiến lược, chương trình phát triển công nghiệp do Trung ương ban hành.

**Điều 15. Ủy ban Phát triển công nghiệp quốc gia**

1. Ủy ban Phát triển công nghiệp quốc gia được thành lập theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, thực hiện các chức năng sau:

a) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương tham mưu cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xây dựng, ban hành Chiến lược phát triển công nghiệp quốc gia và chương trình phát triển các phân ngành công nghiệp cụ thể;

b) Chủ trì xây dựng dự toán kinh phí bảo đảm thực hiện các chương trình phát triển công nghiệp do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

c) Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các Bộ, ngành, địa phương thực hiện các chiến lược, chương trình phát triển công nghiệp;

d) Chỉ đạo việc triển khai thực hiện các dự án đầu tư công trọng điểm trong lĩnh vực công nghiệp được phê duyệt tại Chiến lược phát triển công nghiệp quốc gia;

đ) Chỉ đạo việc kiểm tra, giám sát, đánh giá tổng thể các dự án đầu tư trong lĩnh vực công nghiệp và yêu cầu các Bộ, ngành, địa phương báo cáo tình hình và kết quả thực hiện nhiệm vụ tại các chiến lược, chương trình phát triển công nghiệp;

e) Chỉ đạo việc khảo sát, thống kê và đánh giá về năng lực tài chính, trình độ công nghệ, trình độ quản trị và năng lực sản xuất của các doanh nghiệp công nghiệp;

g) Chỉ đạo các Bộ, ngành xây dựng và trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành hệ thống chính sách phát triển công nghiệp;

h) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Thủ tướng Chính phủ giao.

2. Cơ cấu tổ chức của Ủy ban Phát triển công nghiệp quốc gia:

a) Chủ tịch Ủy ban: Phó Thủ tướng Chính phủ;

b) Phó Chủ tịch thường trực Ủy ban: Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

c) Phó Chủ tịch Ủy ban: Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Công Thương;

d) Thành viên Ủy ban là đại diện các Bộ, ngành và cơ quan liên quan theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

3. Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Phát triển công nghiệp quốc gia.

**Điều 16. Giám sát thực thi Chiến lược phát triển công nghiệp quốc gia**

Việc giám sát thực thi Chiến lược phát triển công nghiệp quốc gia được đưa vào chương trình giám sát hàng năm của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**Chương III**

**NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH CÔNG NGHIỆP**

**Điều 17. Phát triển thị trường cho các sản phẩm công nghiệp**

1. Khi tiến hành mua sắm sử dụng vốn nhà nước nhằm duy trì hoạt động thường xuyên, các cơ quan, đơn vị sau đây phải sử dụng sản phẩm công nghiệp trong nước đã sản xuất được:

a) Cơ quan nhà nước Trung ương và địa phương;

b) Tổ chức chính trị - xã hội;

c) Đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân;

d) Đơn vị sự nghiệp công lập 100% ngân sách nhà nước;

đ) Doanh nghiệp 100% vốn nhà nước;

e) Các cơ quan, đơn vị khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

2. Trường hợp các cơ quan, đơn vị tại khoản 1 Điều này vì lý do bảo đảm quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng mà không tiến hành mua sắm sản phẩm công nghiệp trong nước đã sản xuất được cần có sự chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ.

3. Ưu tiên sử dụng sản phẩm công nghiệp trong nước đã sản xuất được trong hoạt động lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hóa, xây lắp trong các dự án đầu tư sau (trừ trường hợp Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định khác):

a) Dự án đầu tư phát triển sử dụng vốn nhà nước của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập 100% ngân sách nhà nước;

b) Dự án đầu tư phát triển của doanh nghiệp 100% vốn nhà nước;

c) Dự án đầu tư phát triển không thuộc quy định tại điểm a và điểm b khoản này có sử dụng vốn nhà nước, vốn của doanh nghiệp 100% vốn nhà nước từ 30% trở lên hoặc dưới 30% nhưng trên 500 tỷ đồng trong tổng mức đầu tư của dự án;

d) Dự án mua sắm sử dụng vốn nhà nước nhằm cung cấp sản phẩm, dịch vụ công;

đ) Dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư trong lĩnh vực năng lượng, hạ tầng;

e) Dự án sử dụng vốn ODA;

g) Dự án khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

...

**Điều 18. Hỗ trợ tín dụng cho doanh nghiệp công nghiệp**

1. Các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghiệp chủ lực quốc gia được lựa chọn áp dụng một trong các hình thức hỗ trợ tín dụng sau đây:

a) Được nhà nước thực hiện cấp bù lãi suất thông qua hệ thống ngân hàng thương mại đối với các khoản vay trung và dài hạn của doanh nghiệp để đầu tư dự án sản xuất từ nguồn ngân sách Trung ương;

b) Được trực tiếp hỗ trợ lãi vay nhằm đầu tư các dự án sản xuất từ nguồn ngân sách địa phương.

2. Ngân sách nhà nước thực hiện chính sách hỗ trợ tín dụng cho doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghiệp chủ lực quốc gia được bố trí trong dự toán vốn đầu tư công trung hạn và hàng năm của ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

**Điều 19. Phát triển nguồn nhân lực công nghiệp**

...

**Điều 20. Hỗ trợ nghiên cứu và phát triển**

...

**Điều 21. Hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ**

...

**Điều 22. Hỗ trợ cải tiến doanh nghiệp công nghiệp**

Thông qua các chương trình phát triển công nghiệp, Nhà nước thực hiện các dự án hỗ trợ cải tiến doanh nghiệp công nghiệp gồm các nội dung sau:

1. Hỗ trợ xây dựng chiến lược phát triển trung hạn và dài hạn.

2. Hỗ trợ cải tiến hiện trường.

3. Hỗ trợ cải tiến năng suất lao động, chuẩn hóa quy trình làm việc.

4. Hỗ trợ cải tiến hệ thống quản lý chất lượng.

5. Hỗ trợ cải tiến chất lượng dịch vụ.

6. Các nội dung cải tiến doanh nghiệp khác.

**Điều 23. Hỗ trợ xúc tiến, kết nối thị trường**

...

**Điều 24. Thúc đẩy phát triển các doanh nghiệp tiềm năng và doanh nghiệp dẫn đầu**

1. Để tăng cường khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp tiềm năng và doanh nghiệp dẫn đầu, Nhà nước có thể hỗ trợ các doanh nghiệp trong việc sáp nhập, hợp nhất lẫn nhau hoặc mua bán, sáp nhập các thương hiệu quốc tế, các công ty công nghệ và thiết kế trong các ngành công nghiệp (trừ trường hợp việc mua bán, sáp nhập không phù hợp với quy định của pháp luật về cạnh tranh).

...

2. Nhà nước lựa chọn và hỗ trợ các doanh nghiệp tiềm năng và doanh nghiệp dẫn đầu phát triển thị trường quốc tế.

...

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

**Điều 25. Trung tâm cải tiến năng suất công nghiệp**

1. Trung tâm cải tiến năng suất công nghiệp là đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ một phần kinh phí, được thành lập để thúc đẩy cải thiện năng suất công nghiệp...

2. Xây dựng Trung tâm cải tiến năng suất công nghiệp...

3. Các ưu đãi cho Trung tâm cải tiến năng suất công nghiệp...

4. Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục thành lập và cơ chế hoạt động của Trung tâm cải tiến năng suất công nghiệp.

...

**Điều 26. Quỹ tái cấu trúc doanh nghiệp công nghiệp**

 ...

**Điều 27. Xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về công nghiệp**

...

**Chương IV**

**CHÍNH SÁCH ĐẦU TƯ ĐẶC BIỆT CHO PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP**

**Điều 28. Nguyên tắc ưu đãi đầu tư đặc biệt cho phát triển công nghiệp**

...

**Điều 29. Đối tượng áp dụng ưu đãi đầu tư đặc biệt**

...

**Điều 30. Nội dung ưu đãi đầu tư đặc biệt**

...

**Điều 31. Quản lý đầu tư nước ngoài trong công nghiệp**

...

**Chương V**

**PHÁT TRIỂN CÁC LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP CƠ BẢN**

**Điều 32. Phát triển các ngành công nghiệp ưu tiên**

Trên cơ sở các quy định của Luật này và pháp luật có liên quan, trong trường hợp cần thiết theo định hướng phát triển kinh tế - xã hội và khả năng cân đối ngân sách nhà nước trong từng thời kỳ, Chính phủ quy định chi tiết các hình thức hỗ trợ đầu tư nhằm phát triển các ngành công nghiệp sau:

1. Sản xuất sản phẩm điện tử.

2. Sản xuất sản phẩm cơ khí trọng điểm, máy nông nghiệp, ô tô, đóng tàu.

3. Dệt; sản xuất trang phục, giày, dép, da và các sản phẩm liên quan.

4. Công nghiệp sinh học;

5. Các ngành công nghiệp khác.

...

**Điều 33. Phát triển công nghiệp hỗ trợ**

...

**Điều 34. Phát triển công nghiệp nông thôn**

...

**Điều 35. Phát triển công nghệ gia công cơ bản**

1. Các doanh nghiệp cung ứng công nghệ gia công cơ bản để gia công, chế tạo, hoàn thiện các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển, sản phẩm cơ khí trọng điểm, sản phẩm công nghiệp chủ lực quốc gia được hưởng mức ưu đãi cao nhất theo quy định của pháp luật về đất đai, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và các ưu đãi đầu tư khác theo quy định của pháp luật.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết chính sách hỗ trợ nghiên cứu và phát triển, đổi mới công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực và các chính sách hỗ trợ khác cho doanh nghiệp cung ứng công nghệ gia công cơ bản.

...

**Chương VI**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 36. Trách nhiệm của Chính phủ**

...

**Điều 37. Trách nhiệm của Bộ Công Thương**

...

**Điều 38. Trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư**

...

**Điều 39. Trách nhiệm của Bộ Tài chính**

...

**Điều 40. Trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ**

...

**Điều 41. Trách nhiệm của chính quyền địa phương**

...

**Điều 42. Trách nhiệm của các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp trong phát triển công nghiệp**

...

**Điều 43. Hiệu lực thi hành**

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng ... năm ...

-----------------------------------------------------------------------------------------

*Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ … thông qua ngày … tháng … năm ...*